

<p>cần phải chú ý khi viết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV viết bảng những từ HS dễ viết sai & hướng dẫn HS nhận xét - GV yêu cầu HS viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con - GV đọc từng câu, từng cụm từ 2 lượt cho HS viết - GV đọc toàn bài chính tả 1 lượt - GV chấm bài 1 số HS & yêu cầu từng cặp HS đổi vở soát lỗi cho nhau - GV nhận xét chung 		<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu những hiện tượng mình dễ viết sai: <i>trở, tỏa khắp khu vườn, nhụy, lũng lảng, cuối năm.</i> - HS nhận xét - HS luyện viết bảng con - HS nghe – viết - HS soát lại bài - HS đổi vở cho nhau để soát lỗi chính tả
<p>3.3: Luyện tập <u>Bài tập 2b:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của BT2b - GV yêu cầu HS tự làm vào VBT - GV mời 1 HS điền vần ut / uc vào các dòng thơ đã viết trên bảng lớp; 3 HS đọc lại các dòng thơ đã hoàn chỉnh để kiểm tra phát âm; kết luận nêu lời giải đúng: <p>- Khỏ thơ cho biết nội dung gì?</p>	15	<p><u>Bài tập 2b:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập - HS tự làm vào VBT cả lớp làm nháp - 1 HS lên bảng làm - Cả lớp nhận xét kết quả làm bài - Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng <p style="text-align: center;"><i>Con ò lá <u>trúc</u> qua sông Trái mơ tròn <u>trĩnh</u>, quả bòng <u>đung</u> đưa <u>Bút</u> nghiêng, lát phát hạt mưa <u>Bút</u> chao, gợn nước Tây Hồ lãn tãn.</i></p> <p>-Nét vẽ cảnh đẹp Hồ Tây trên đồ sành sứ.</p>
<p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 3 - GV dán 3 tờ phiếu lên bảng, mời HS lên bảng thi tiếp sức. <p>- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:</p>		<p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập - 3 nhóm HS lên bảng thi tiếp sức – mỗi em dùng bút gạch những chữ không thích hợp. HS cuối cùng thay mặt nhóm đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh. - Cả lớp nhận xét, sửa bài theo lời giải đúng. <p style="text-align: center;"><i>Nắng –trúc xanh – cúc – lông lánh – nên – vút – náo nức.</i></p>
<p>4.Củng cố : Nêu nội dung tiết học - Nhận xét giờ học</p>	3	<p>2 HS nêu HS nhận xét tiết học</p>
<p>5.Dặn dò: -Xem trước bài :Chợ Tết.</p>	1	<p>Học sinh thực hiện</p>

TOÁN

TIẾT 107 : SO SÁNH HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-Biết so sánh hai phân số có cùng mẫu số.

-Nhận biết một phân số bé hơn hoặc lớn hơn số 1.

2. Kỹ năng:

Có kỹ năng so sánh nhanh hai phân số

3. Thái độ:

- GD HS tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : SGK, bảng nhóm

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức : - Cho học sinh hát	1	Hát
2. Kiểm tra bài cũ : - Luyện tập chung - GV yêu cầu HS sửa bài 1,3 GV nhận xét	4	- HS lên bảng làm bài, cả lớp theo dõi nhận xét.
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : - Các phân số cũng có những phân số bằng nhau, phân số lớn hơn, phân số bé hơn. Nhưng làm thế nào để so sánh chúng? Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết điều đó.	1	- HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2: Hướng dẫn HS so sánh hai phân số cùng mẫu số. - GV đưa bảng phụ có hình vẽ như trong SGK, yêu cầu HS quan sát hình vẽ. - Độ dài đoạn thẳng AC bằng mấy phần đoạn thẳng AB? Độ dài đoạn thẳng AD bằng mấy phần đoạn thẳng AB? - Hãy so sánh độ dài hai đoạn thẳng AC & AD? - Hãy so sánh $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$ - Em có nhận xét gì về mẫu số và tử số của hai phân số $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$? * Vậy muốn so sánh hai phân số có cùng mẫu số ta làm như thế nào?	12	- HS quan sát. - $AC = \frac{2}{5} AB$; $AD = \frac{3}{5} AB$ - Đoạn thẳng AD dài hơn đoạn thẳng AC. - $\frac{2}{5} AB < \frac{3}{5} AB$ - $\frac{2}{5} < \frac{3}{5}$ Hai phân số có mẫu số bằng nhau, phân số $\frac{2}{5}$ có tử số bé hơn, phân số $\frac{3}{5}$ có tử số lớn hơn. * Khi so sánh hai phân số có cùng mẫu số, ta chỉ cần so sánh hai tử số: - Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn. - Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn. - Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau. - Vài HS nhắc lại.
3,3 Thực hành <u>Bài tập 1: (M)</u> Gọi HS đọc yêu cầu đề bài	18	Làm bài tập <u>Bài tập 1</u> HS đọc yêu cầu đề bài

<p>Y/C HS tự so sánh các cặp phân số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi chữa bài, yêu cầu HS nêu & giải thích cách so sánh của mình. - GV nhận xét. <p>Bài tập 2: (V) Gọi HS đọc yêu cầu đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Hãy so sánh hai phân số $\frac{2}{5}$ và $\frac{5}{5}$. - $\frac{5}{5}$ bằng mấy? - GV: $\frac{2}{5} < \frac{5}{5}$ mà $\frac{5}{5} = 1$ nên $\frac{2}{5} < 1$ - Em hãy so sánh tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{5}$ - Những phân số có tử số nhỏ hơn mẫu số thì như thế nào với 1 - GV tiến hành tương tự với các cặp phân số $\frac{8}{5}$ và $\frac{5}{5}$. - Y/C HS làm tiếp các phần còn lại của bài. - GV cho HS làm bài trước lớp. <p>Bài tập 3: (Thi đua) - Cho HS đọc đề bài và 2 đội thi đua. - GV nhận xét tuyên dương đội làm nhanh, đúng</p>		<ul style="list-style-type: none"> - HS tự làm bài. - $\frac{3}{7} < \frac{5}{7}; \frac{4}{3} > \frac{2}{3}; \frac{7}{8} > \frac{5}{8}; \frac{2}{11} < \frac{9}{11}$ - HS nhận xét. <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu đề bài - HS làm bài <p>HS so sánh hai phân số $\frac{2}{5}$ và $\frac{5}{5}$.</p> $\frac{5}{5} = 1$ <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại. - Phân số $\frac{2}{5}$ có tử số nhỏ hơn mẫu số. - Thì nhỏ hơn 1 $\frac{8}{5} > \frac{5}{5} \text{ mà } \frac{5}{5} = 1 \text{ nên } \frac{8}{5} > 1$ <ul style="list-style-type: none"> - Những phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1 - 1 HS lên làm bài, HS cả lớp làm vào vở. $\frac{1}{2} < 1; \frac{4}{5} < 1; \frac{7}{3} > 1; \frac{6}{5} > 1; \frac{9}{9} = 1; \frac{12}{7} > 1.$ <p>Bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề. 2 đội tiếp sức - Các phân số bé hơn 1, có mẫu số là 5, tử số lớn hơn 0 là: $\frac{1}{5}; \frac{2}{5}; \frac{3}{5}; \frac{4}{5}.$
<p>4. Củng cố :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn so sánh hai phân số có cùng mẫu số ta làm như thế nào? - Nhận xét tiết học. 	3	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS nêu
<p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem trước bài luyện tập 	1	<p>Học sinh thực hiện</p>

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
TIẾT 43 : CHỦ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI THẾ NÀO?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS nắm được ý nghĩa & cấu tạo của CN trong câu kể Ai thế nào?

2. Kỹ năng:

- Xác định đúng CN trong câu kể *Ai thế nào?*.
- Viết được một đoạn văn tả một loại trái cây có dùng một số câu kể *Ai thế nào?*

3. Thái độ:

- Yêu thích tìm hiểu Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : Bảng phụ viết 4 câu kể *Ai thế nào?* (phần Nhận xét).
Bảng phụ viết 5 câu kể *Ai thế nào?* (phần Luyện tập, BT1).

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2. Kiểm tra bài cũ : - Vị ngữ trong câu kể <i>Ai thế nào</i> Chỉ gì? Do những từ ngữ nào tạo thành? - Nêu ví dụ. - Mời 1HS làm lại BT2 (phần Luyện tập) GV nhận xét	4	- 2 HS nhắc lại và nêu ví dụ - 1 HS làm lại BT2 - HS cả lớp theo dõi nhận xét
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Trong tiết LTVC trước, các em đã tìm hiểu về bộ phận vị ngữ trong kiểu câu <i>Ai thế nào?</i> . Tiết học hôm nay giúp các em sẽ tìm hiểu tiếp về bộ phận CN trong kiểu câu này	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2: Hướng dẫn phần nhận xét <u>Bài tập 1</u> - GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập 1 - GV kết luận, chốt lại ý đúng () <u>Bài tập 2</u> - Yêu cầu HS đọc nội dung bài tập - GV dán bảng 2 tờ phiếu đã viết 4 câu văn, mời 2 HS có ý kiến đúng lên bảng gạch dưới bằng phấn màu bộ phận CN trong câu. <u>Bài tập 3</u> - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài. - GV gợi ý: + CN trong các câu trên cho ta biết sự vật sẽ điều gì?	12	- HS đọc nội dung BT, trao đổi nhóm đôi, tìm các câu kể <i>Ai thế nào?</i> - HS phát biểu ý kiến - Cả lớp nhận xét. + Các câu 1; 2; 4; 5 là các câu kể <i>Ai thế nào?</i> <u>Bài tập 2</u> *HS đọc yêu cầu của bài, xác định CN của những câu vừa tìm được vào vở nháp - HS phát biểu ý kiến - 2 HS có ý kiến đúng lên bảng gạch dưới bằng phấn màu bộ phận CN trong mỗi câu. + Câu 1: Hà Nội tung bùng màu đỏ. + Câu 2: Cả một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. + Câu 4: Các cụ già về mặt nghiêm trang. + Câu 5: Những cô gái thủ đô hớn hờ, áo màu rực rỡ. <u>Bài tập 3</u> *HS đọc yêu cầu của bài - trả lời câu hỏi + CN trong các câu trên cho ta biết sự vật sẽ được thông báo về đặc điểm, tính chất ở vị ngữ

<p>+ CN nào là một từ, CN nào là một ngữ?</p> <p>- GV kết luận:</p> <p>+ CN của các câu đều chỉ sự vật có đặc điểm, tính chất được nêu vị ngữ</p> <p>+ CN của câu 1 do DT riêng “Hà Nội” tạo thành. CN của các câu còn lại do cụm DT tạo thành.</p> <p>Ghi nhớ kiến thức</p> <p>- Yêu cầu HS đọc thầm phần ghi nhớ</p> <p>3,3 Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- Nhắc HS thực hiện tuần tự 2 việc sau: tìm các câu kể <i>Ai thế nào?</i> trong đoạn văn. Sau đó xác định CN của mỗi câu.</p> <p>- GV nhận xét & kết luận:</p> <p>- GV dán bảng tờ giấy viết 5 câu văn, yêu cầu HS xác định bộ phận CN trong câu. GV dùng phấn màu gạch dưới bộ phận CN, ghi lại kết quả đúng.</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- GV nhấn mạnh: viết đoạn văn <u>khoảng 5 câu</u> về một loại <u>trái cây</u>, có dùng một số câu kể <i>Ai thế nào?</i>. Không bắt buộc tất cả các văn trong đoạn văn đều là câu kể <i>Ai thế nào?</i></p> <p>- GV nhận xét một số bài viết tốt.</p>	18	<p>+ CN của câu 1 do DT riêng “Hà Nội” tạo thành. CN của các câu còn lại do cụm DT tạo thành.</p> <p>*HS đọc thầm phần ghi nhớ trong SGK</p> <p>- 3HS lần lượt đọc phần ghi nhớ</p> <p>HS làm bài tập</p> <p>*HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- HS làm việc cá nhân vào vở</p> <p>- HS phát biểu ý kiến, xác định các câu kể <i>Ai thế nào?</i> có trong đoạn văn.</p> <p>+ Các câu 3 – 4 – 5 – 6 – 8 là các câu kể <i>Ai thế nào?</i></p> <p>- HS phát biểu, xác định bộ phận CN trong câu.</p> <p>- HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- HS làm bài vào vở</p> <p>- HS tiếp nối nhau đọc đoạn văn, nói rõ các câu kể <i>Ai thế nào?</i> trong đoạn.</p> <p>- Cả lớp nhận xét.</p>
<p>4.Củng cố :</p> <p>Nêu chủ ngữ trong câu kể Ai thế nào ?</p> <p>Nhận xét giờ học</p>	3	<p>-HS nêu</p>
<p>5.Dặn dò:</p> <p>-Yêu cầu HS về nhà tiếp tục hoàn chỉnh đoạn văn tả một loại trái cây, viết lại vào vở</p> <p>Xem trước bài MRVT Cái đẹp</p>	1	<p>Học sinh thực hiện</p>

KỂ CHUYỆN TIẾT 22 :CON VỊT XẤU XÍ

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Dựa theo lời kể của GV , sắp xếp đúng thứ tự các tranh minh họa trong SGK, bước đầu kể lại được từng đoạn & toàn bộ câu chuyện Con vịt xấu xí rõ ý chính đúng diễn biến.
- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Phải nhận ra cái đẹp của người khác, biết yêu thương người khác. Không lấy mình làm mẫu khi đánh giá người khác.

2. Kỹ năng:

- Chăm chú nghe cô kể chuyện, nhớ cốt truyện.

<p>câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của BT2, 3,4 - Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm. Kể xong trao đổi về ý nghĩa câu chuyện. - Qua câu chuyện <i>Con vịt xấu xí</i>, An-đéc-xen muốn khuyên các em điều gì -GV giáo dục: Cô mong rằng các em biết yêu quý bạn bè xung quanh, nhận ra những nét đẹp riêng trong mỗi bạn. - GV nhận xét, bình chọn nhóm, cá nhân kể chuyện hấp dẫn nhất, hiểu nhất điều nhà văn An-đéc-xen muốn nói với các em. 		<p>*HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hành kể chuyện trong nhóm. Kể xong, trả lời câu hỏi về lời khuyên của câu chuyện. - HS thi kể chuyện trước lớp + 2, 3 nhóm HS (mỗi nhóm 2, 3 em) tiếp nối nhau thi kể toàn bộ câu chuyện. + Một vài HS thi kể toàn bộ câu chuyện. <p><i>Phải biết nhận ra cái đẹp của người khác, biết yêu thương người khác. Không lấy mình làm mẫu khi đánh giá người khác.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp nhận xét. - HS cùng GV bình chọn bạn kể chuyện hấp dẫn nhất, hiểu nhất điều nhà văn An-đéc-xen muốn nói với các em.
<p>4.Củng cố :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua câu chuyện <i>Con vịt xấu xí</i>, muốn khuyên các em điều gì? -Nhận xét giờ học 	3	-HS trả lời
<p>5.Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS về nhà tập kể lại câu chuyện cho người thân. - Chuẩn bị bài: Kể lại chuyện đã nghe, đã đọc (Đọc trước yêu cầu & gợi ý của bài tập kể chuyện trong SGK, tuần 23 để chuẩn bị một câu chuyện em sẽ kể trước lớp. Đọc kĩ để nhớ thuộc câu chuyện, mang đến lớp truyện các em tìm được). 	1	Học sinh thực hiện

KHOA HỌC
TIẾT 43 : ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

-Nêu được VD về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống ;âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt ,học tập ,lao động giải trí ;dùng để báo hiệu (tiếng trống, tiếng còi xe...)

2. Kỹ năng:

-Có kỹ năng nhận biết âm thanh trong cuộc sống.

3. Thái độ:

- HS thích tìm hiểu các hiện tượng xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên :

-5 chai hoặc cốc giống nhau

- Tranh ảnh về vai trò của âm thanh trong cuộc sống
- Tranh ảnh về các loại âm thanh khác nhau
- Mang đến một số đĩa, băng cát - sét
- Chuẩn bị chung: đài và băng để ghi âm thanh (nếu có điều kiện)

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định tổ chức :</p> <p>- HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện
<p>2. Kiểm tra bài cũ :</p> <p>- Âm thanh lan truyền được qua những chất nào?</p> <p>- Âm thanh sẽ như thế nào khi càng lan truyền ra xa?</p> <p>GV nhận xét</p>	4	<p>- 2HS lên bảng trả lời</p> <p>- HS cả lớp theo dõi nhận xét</p>
<p>3. Bài mới :</p> <p>3.1 Giới thiệu bài :</p> <p>Hôm nay các em học bài Âm thanh trong cuộc sống</p> <p>Trò chơi: Tìm từ diễn tả âm thanh</p> <p>GV chia lớp thành 2 đội: một đội nêu tên nguồn phát ra âm thanh, đội kia phải tìm từ phù hợp diễn tả âm thanh</p>	1	<p>- Ví dụ: Đội 1 nêu: “Đồng hồ”, đội 2 nêu: “Tích tắc”...</p> <p>- Đội 1 nêu: “ trống ”, đội 2 nêu: “ Tùng , tùng , tùng ”...</p> <p>- Đội 1 nêu: “ Gà trống ”, đội 2 nêu: “ ò , ó , o...”</p>
<p>3.2 HĐ1: Tìm hiểu vai trò của âm thanh trong cuộc sống</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được vai trò của âm thanh trong đời sống (giao tiếp với nhau qua lời nói, hát, nghe; dùng để làm tín hiệu: tiếng trống, tiếng còi...)</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm quan sát các hình trang 86 SGK để ghi lại vai trò của âm thanh</p> <p>+ Âm thanh cần thiết cho chúng ta như thế nào?</p> <p>+ Điều gì xảy ra khi không có âm thanh?</p> <p>GV cùng HS nhận xét</p> <p>- Yêu cầu HS bổ sung thêm những vai trò khác của âm thanh mà HS biết</p>	8	<p>*HS thảo luận nhóm bốn và thảo luận về vai trò của âm thanh – ghi nhanh ý kiến ra giấy nháp- Đại diện nhóm trình bày</p> <p>+ Âm thanh giúp chúng ta nghe được tiếng chiêng, trống, nói chuyện với bạn, vui chơi, học bài, ...v...v..</p> <p>+ Khi không có âm thanh dễ xảy ra tai nạn giao thông, hoả hoạn, không nghe thấy tiếng động xung quanh gây cảm giác buồn chán,...</p> <p>- HS khác bổ sung</p>
<p>3.3 HĐ2: Nói về những âm thanh ưa thích và những âm thanh không ưa thích</p> <p>Mục tiêu: Giúp HS diễn tả thái độ trước thể giới âm thanh xung quanh.</p>	8	<p>*HS viết ý kiến của mình vào thẻ từ</p>

<p><i>Phát triển kỹ năng đánh giá</i></p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu vấn đề để HS làm việc cá nhân và nêu lên ý kiến của mình - GV chia bảng thành 2 cột: “Thích” và “Không thích”, yêu cầu HS gắn thẻ của mình vào cột thích hợp - GV nhận xét <p>3.4HĐ3: Tìm hiểu ích lợi của việc ghi lại được âm thanh</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được ích lợi của việc ghi lại âm thanh, hiểu được ý nghĩa của các nghiên cứu khoa học và có thái độ trân trọng</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt vấn đề: Các em thích nghe bài hát nào? Do ai trình bày? Có thể bật cho HS nghe bài hát đó hoặc một bài hát bất kì (nếu có điều kiện) + Làm thế nào để lưu giữ những bài hát em thích lại? - Yêu cầu HS thảo luận về ích lợi của việc ghi lại âm thanh + Ghi lại âm thanh có ích lợi gì? - GV nhận xét - GV nêu nguồn gốc chiếc máy hát đầu tiên <p>3.5HĐ4: Trò chơi Làm nhạc cụ</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được âm thanh cao, thấp (bồng, trầm) khác nhau</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS các nhóm trình bày nhạc cụ: mỗi nhóm chuẩn bị một số chai với những lượng nước trong chai khác nhau, so sánh âm thanh phát ra khi gõ vào các chai GV đề nghị vài nhóm biểu diễn 	<p>8</p> <p>8</p>	<p>Lên bảng gắn thẻ từ vào cột thích hợp</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Âm thanh em thích</td> <td>Âm thanh em không thích</td> </tr> <tr> <td>Tiếng chim hót, tiếng hát, tiếng đàn, gà gáy, ...</td> <td>Tiếng còi xe quá to, tiếng mìn nổ, tiếng nổ chát chúa,...</td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi bổ sung - HS nhận xét - HS nêu + Ghi lại âm thanh của bài hát, bản nhạc đó vào đĩa CD, cát-xét,.... - HS thảo luận nhóm đôi về ích lợi của việc ghi lại âm thanh + Ghi lại âm thanh có ích lợi lưu lại bài hát, ca khúc, bản nhạc, câu chuyện mà em thích. - HS nhận xét 2HS đọc mục “Bạn cần biết” trang 87/ SGK *Các nhóm sẽ gõ lần lượt vào từng chai nước, sau đó thảo luận về âm thanh phát ra từ các chai có độ cao, thấp, trầm, bồng như thế nào - Vài nhóm biểu diễn - Các nhóm khác đánh giá bài biểu diễn của nhóm bạn 	Âm thanh em thích	Âm thanh em không thích	Tiếng chim hót, tiếng hát, tiếng đàn, gà gáy, ...	Tiếng còi xe quá to, tiếng mìn nổ, tiếng nổ chát chúa,...
Âm thanh em thích	Âm thanh em không thích					
Tiếng chim hót, tiếng hát, tiếng đàn, gà gáy, ...	Tiếng còi xe quá to, tiếng mìn nổ, tiếng nổ chát chúa,...					
<p>4.Củng cố :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Âm thanh cần thiết cho chúng ta như thế nào? + Ghi lại âm thanh có ích lợi gì? <p>GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS.</p>	<p>3</p>	<p>-2HS trả lời – HS khác nhận xét.</p>				
<p>5.Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Học bài và chuẩn bị bài: Âm thanh trong cuộc sống (tt) 	<p>1</p>	<p>Học sinh thực hiện</p>				

LỊCH SỬ
TIẾT 22 : TRƯỜNG HỌC THỜI HẬU LÊ

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được sự phát triển của giáo dục thời hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học):
 - + Đến thời Hậu Lê giáo dục có qui củ chặt chẽ: ở kinh đô có Quốc Tử Giám, các địa phương, bên cạnh trường công, còn có các trường tư, ba năm có một kì thi hương và thi hội; nội dung học tập là nho giáo, ...
 - + Chính sách khuyến khích học tập: đặt ra lễ xướng danh, lễ vinh quy, khắc tên người đỗ cao vào bia đá dựng ở Văn Miếu.
- Những việc nhà Hậu Lê làm để khuyến khích học tập

2.Kĩ năng:

- Nắm được tổ chức dạy học, thi cử, nội dung dạy học dưới thời Hậu Lê.

3.Thái độ:

- Tự hào về truyền thống giáo dục của dân tộc & tinh thần hiếu học của người dân Việt Nam.
- Coi trọng sự tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: SGK Tranh: “Vinh quy bái tổ” & “Lễ xướng danh”
2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức: - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2. Kiểm tra bài cũ: Nhà Hậu Lê & việc tổ chức quản lí đất nước - Nhà Hậu Lê ra đời như thế nào? - Những ý nào trong bài biểu hiện quyền tối cao của nhà vua. - Nhà Hậu Lê đã làm gì để quản lí đất nước? GV nhận xét	4	3 HS nêu
3. Bài mới:	1	

<p>- GV yêu cầu HS làm bài.</p> <p>-GV nhận xét.</p> <p>Bài tập 3: (V) Gọi HS đọc yêu cầu đề bài</p> <p>- GV :Muốn viết được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn chúng ta phải làm gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>-GV nhận xét.</p>		$\frac{16}{16} = 1; \frac{14}{11} > 1.$ <p>- HS nhận xét</p> <p>Bài tập 3</p> <p>-Viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn</p> <p>-Chúng ta phải so sánh các phân số với nhau.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài,HS cả lớp làm vào vở.</p> <p>a/ Vì $1 < 3 < 4$ nên $\frac{1}{5} < \frac{3}{5} < \frac{4}{5}$</p> <p>b/ Vì $5 < 6 < 8$ nên $\frac{5}{7} < \frac{6}{7} < \frac{8}{7}$.</p> <p>c/ Vì $5 < 7 < 8$ nên $\frac{5}{9} < \frac{7}{9} < \frac{8}{9}$.</p> <p>d/ Vì $10 < 12 < 16$ nên $\frac{10}{11} < \frac{12}{11} < \frac{16}{11}$.</p> <p>HS nhận xét.</p>
<p>4.Củng cố :</p> <p>- Muốn so sánh hai phân số có cùng mẫu số ta làm như thế nào?</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	3	<p>-HS nêu</p>
<p>5.Dặn dò:</p> <p>-Làm lại bài tập 2.</p> <p>- Chuẩn bị bài:So sánh hai phân số khác mẫu số.</p>	1	<p>Học sinh thực hiện</p>

TẬP ĐỌC
TIẾT 44 : CHỢ TẾT

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài thơ với giọng nhẹ nhàng , tình cảm .
- Hiểu nội dung bài : Cảnh chợ Tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên ,gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê.
- HS học thuộc lòng một vài câu thơ yêu thích .

2.Kĩ năng:

- HS đọc lưu loát toàn bài.
- Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng chậm rãi, nhẹ nhàng, phù hợp với việc diễn tả bức tranh giàu màu sắc, vui vẻ, hạnh phúc của một phiên chợ Tết miền trung du.
- Học thuộc lòng bài thơ

3. Thái độ:

- Bồi dưỡng tình cảm yêu mến quê hương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1.Giáo viên : SGK, tranh minh hoạ
2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg	Hoạt động của học sinh
-------------------------	----	------------------------

	(ph)	
<p>1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện
<p>2. Kiểm tra bài cũ : - GV yêu cầu 3 HS lên bảng đọc bài & trả lời câu hỏi + Dựa vào bài văn, miêu tả những nét đặc sắc của hoa sấu riêng, quả sấu riêng, dáng cây sấu riêng? + Tìm những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sấu riêng? GV nhận xét</p>	4	- 3HS nối tiếp nhau đọc bài và trả lời câu hỏi - HS cả lớp theo dõi nhận xét
<p>3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Trong các phiên chợ, đông vui nhất là phiên chợ Tết. Bài thơ <i>Chợ Tết</i> nổi tiếng của nhà thơ Đoàn Văn Cừ sẽ cho các em được thưởng thức một bức tranh bằng thơ miêu tả phiên chợ Tết ở một vùng trung du.</p>	1	-HS nghe – nhắc lại bài.
<p>3.2: Luyện đọc - GV chú ý khen HS đọc đúng kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng đọc không phù hợp - GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Yêu cầu HS đọc lại toàn bài ▪ GV đọc diễn cảm cả bài <p>Giọng chậm rãi ở 4 dòng đầu; vui, rộn ràng ở những dòng thơ sau. Nhấn giọng những từ ngữ gợi cảm, gợi tả: <i>đỏ dần, ôm ấp, viên trắng, tung bùng, kéo hàng, lon xon, lom khom, lặng lẽ, nép đầu, đuối theo sau</i></p> <p>3.3: Tìm hiểu bài GV chia lớp thành 4 nhóm để các em đọc thầm bài và trả lời câu hỏi. - Người các áp đi chợ Tết trong khung cảnh đẹp như thế nào? - Mỗi người đến chợ Tết với những dáng vẻ riêng ra sao? - Bên cạnh dáng vẻ riêng, những người đi chợ Tết có điểm gì chung? - Bài thơ là một bức tranh giàu màu sắc</p>	9	<p>HS đọc thầm bài thảo luận trong nhóm –Đại diện nhóm trình bày ý kiến- HS nhận xét. - 4 HS đọc nối tiếp đoạn - nhà gianh, viên trắng, cỏ biếc, ngô nghĩnh, giọt sữa - HS đọc từ khó - HS đọc theo cặp - 1 em đọc chú giải - 1 em đọc toàn bài - HS theo dõi</p> <p>*Đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi. - Người các áp đi chợ tết trong khung cảnh thiên nhiên rất đẹp: mặt trời ló ra sau đỉnh núi, sương chưa tan, núi uốn mình, đôi hoa son, Những tia nắng nghịch gộm bên ruộng lúa. - Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon, các cụ già chống gậy bước lom khom. Cô gái mặc áo yếm đỏ che môi cười lặng lẽ, em bé nép đầu bên yếm mẹ. Hai người gánh lợn chạy theo sau là con bò vàng ngô nghĩnh. - Bên cạnh những dáng vẻ riêng, người dân đi chợ tết đều rất vui vẻ, họ tung bùng đi chợ tết vui vẻ kéo hàng bên cỏ biếc. - Màu sắc trong bức tranh là: trắng, đỏ, hồng</p>

<p>về chợ Tết. Em hãy tìm những từ ngữ đã tạo nên bức tranh giàu màu sắc ấy?</p> <p>Bài thơ cho em biết nội dung gì?</p> <p>3.4 : Luyện đọc diễn cảm Hướng dẫn HS đọc từng đoạn văn - GV mời HS tiếp nối nhau đọc bài thơ - Hướng dẫn, điều chỉnh cách đọc cho HS Hướng dẫn kĩ cách đọc diễn cảm - GV treo bảng phụ có ghi khổ thơ cần đọc diễn cảm (<i>Họ vui vẻ kéo hàng ... như giọt sữa</i>) - GV yêu cầu HS nhắm thuộc lòng bài GV sửa lỗi cho các em</p>	11	<p>lam, xanh, biếc thắm, vàng, tía, son.</p> <p>- Các màu đó có cùng gam màu đỏ. Dùng các màu như vậy để miêu tả được cảnh chợ tết rất đông vui, nhộn nhịp và đông vui đủ các màu sắc.</p> <p>* Nội dung: Cảnh chợ Tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên ,gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê.</p> <p>*4 em đọc + Bốn dòng đầu đọc chậm rãi, những dòng tiếp theo đọc với giọng vui vẻ rộn ràng nhấn giọng ở những từ gợi cảm gợi tả.</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm - 3 em thi đọc - Hs nhận xét đánh giá 1 Hs đọc thuộc toàn bài</p>
<p>4.Củng cố : -Em hãy nêu nội dung của bài thơ? GV nhận xét tiết học</p>	3	<p>-HS nêu</p>
<p>5.Dặn dò: -Xem bài Về nhà tiếp tục HTL bài thơ và chuẩn bị bài: Hoa học trò</p>	1	<p>Học sinh thực hiện</p>

ĐẠO ĐỨC

TIẾT 22 : LỊCH SỰ VỚI MỌI NGƯỜI (Tiết 2)

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người .

- Nêu ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người .
- Biết cư xử lịch sự với mọi người xung quanh.

2.Kĩ năng:

- Biết cư xử lịch sự với mọi người.

3. Thái độ:

- Tự trọng, tôn trọng người khác, tôn trọng nếp sống văn minh.
- Đồng tình với những người biết cư xử lịch sự & không đồng tình với những người cư xử bất lịch sự.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên :SGK, mỗi HS tấm bìa : xanh, đỏ,

- Một số đồ dùng, đồ vật phục vụ trò chơi đóng vai.

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1.Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2.Kiểm tra bài cũ : - Tại sao phải lịch sự với mọi người? - Vì sao cần phải lịch sự với mọi người? GV nhận xét	4	- HS lên bảng nêu - HS cả lớp theo dõi nhận xét
3.Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Lịch sự với mọi người (T2)	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2 HĐ1: Bàn tỏ ý kiến(BT2 - SGK/33) Gọi 1HS đọc nội dung BT2 -GV lần lượt nêu từng ý kiến của BT2. Trong những ý kiến sau, em đồng ý với ý kiến nào? a. Chỉ cần lịch sự với người lớn tuổi. b. Phép lịch sự chỉ phù hợp khi ở thành phố, thị xã. c. Phép lịch sự giúp cho mọi người gần gũi với nhau hơn. d. Mọi người đều phải cư xử lịch sự, không phân biệt già- trẻ, nam- nữ. đ. Lịch sự với bạn bè, người thân là không cần thiết. -GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình. -GV nhận xét kết luận – GD tư tưởng :	13	1HS đọc nội dung BT2, thảo luận cặp đôi các ý kiến đưa ra nhận xét . HS biểu lộ thái độ theo cách quy ước Đồng ý(đúng) : đỏ Không đồng ý(sai) : xanh. -HS giải thích sự lựa chọn của mình. +Các ý kiến c, d là đúng. +Các ý kiến a, b, đ là sai. -Cả lớp lắng nghe.
3.3HĐ2: Đóng vai (Bài tập 4- SGK/33)		

<p>-GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận, chuẩn bị đóng vai tình huống a, bài tập 4. * Tiến sang nhà Linh, hai bạn cùng chơi đồ chơi thật vui vẻ. Chẳng may, Tiến lỡ tay làm hỏng đồ chơi của Linh. Theo em, hai bạn cần làm gì khi đó? -GV nhận xét chung – tuyên dương nhóm thể hiện tốt . <u>Kết luận chung :</u> -GV đọc câu ca dao sau Lời nói không mất tiền mua Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. GV nhận xét – chốt lại câu giải thích đúng nhất.</p>	12	<p>*Các nhóm HS chuẩn bị cho đóng vai. -Một nhóm HS lên đóng vai; Các nhóm khác có thể lên đóng vai nếu có cách giải quyết khác. -Lớp nhận xét, đánh giá các cách giải quyết. 2HS nhắc lại ghi nhớ bài. -HS lắng nghe, suy nghĩ nêu câu giải thích.</p>
<p>4.Củng cố : - Lịch sự với mọi người cần phải làm gì? -Thực hiện cư xử lịch sự với mọi người xung quanh trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận xét giờ học</p>	3	<p>-HS nêu</p>
<p>5.Dặn dò: -Về xem lại bài và áp dụng những gì đã học vào thực tế. - Chuẩn bị bài tiết sau: “Giữ gìn các công trình công cộng” Xem bài :</p>	1	<p>Học sinh thực hiện</p>

**TẬP LÀM VĂN
TIẾT 43 : LUYỆN TẬP QUAN SÁT CÂY CỐI**

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Biết quan sát cây cối, trình tự quan sát, kết hợp các giác quan khi quan sát.
- Nhận ra được sự giống nhau & khác nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây.

2.Kĩ năng:

- Từ những hiểu biết trên, tập quan sát, ghi lại kết quả quan sát một cái cây cụ thể.

3. Thái độ:

- Yêu thích tìm hiểu những cảnh vật xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên : SGK, tranh

- Một số tờ phiếu kẻ bảng thể hiện nội dung BT1a, b để các nhóm HS làm việc.

Bài văn	Quan sát từng bộ phận của cây	Quan sát từng thời kì phát triển của cây
Sầu riêng	+	
Bãi ngô		+

Cây gạo		+ (từng thời kì phát triển của bông gạo)
---------	--	--

Các giác quan	Chi tiết được quan sát
Thị giác (mắt)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Cây, lá, búp, hoa, bắp ngô, bướm trắng, bướm vàng(Bãỉ ngô) ▪ Cây, cành, hoa, quả gạo, chim chóc(Cây gạo) ▪ Hoa, trái, dáng, thân, cành, lá(Sầu riêng)
Khứu giác (mũi)	Hương thơm của trái sầu riêng
Vị giác (lưỡi)	Vị ngọt của trái sầu riêng.
Thính giác (tai)	Tiếng chim hót(Cây gạo), tiếng tu hú(Bãỉ ngô)

- Bảng viết sẵn lời giải BT1 d, e.

- Tranh ảnh một số loài cây.

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2. Kiểm tra bài cũ : Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối - GV gọi 2 HS lên bảng đọc lại dàn ý tả 1 cây ăn quả theo cách đã học. GV nhận xét	4	- 2 HS đọc lại dàn ý tả 1 cây ăn quả theo 1 trong 2 cách đã học. - HS nhận xét
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Trong tiết TLV trước, các em đã lập dàn ý miêu tả một cây ăn quả. Tiết học này giúp các em học cách quan sát cái cây theo thứ tự, kết hợp nhiều giác quan để tìm chi tiết cho dàn ý của bài văn miêu tả đó.	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2: Tìm hiểu cách quan sát, trình tự quan sát cây cối <u>Bài tập 1:</u> - GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập - GV phát phiếu kẻ bảng nội dung BT1a, b cho các nhóm. - GV nhắc HS chú ý: + Trả lời câu hỏi a, b trên phiếu. + Trả lời miệng các câu hỏi c, d, e. Với câu hỏi c, chỉ cần chỉ ra 1, 2 hình ảnh so sánh mà em thích.	12	- 1 HS đọc nội dung bài tập. Cả lớp theo dõi trong SGK - HS làm bài theo nhóm. - Sau thời gian quy định, đại diện các nhóm dán nhanh kết quả làm bài lên bảng lớp, trình bày kết quả. c. Hai bài <i>Sầu riêng; Bãỉ ngô</i> miêu tả một loài cây, bài <i>Cây gạo</i> miêu tả một cái cây cụ thể. d. Điểm giống và khác nhau giữa cách miêu tả một loài cây và một cái cây cụ thể:

<p>- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.</p> <p>3.3 Tập & ghi lại kết quả quan sát một cái cây cụ thể <u>Bài tập 2:</u></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập - GV hỏi: HS đã quan sát trước một cái cây cụ thể như thế nào? - GV treo tranh, ảnh một số loài cây. - GV nhắc HS: Bài yêu cầu các em quan sát một cái cây cụ thể (không phải một loài cây). Em có thể quan sát cây ăn quả quen thuộc em đã lập dàn ý trong tiết học trước, cũng có thể chọn 1 cây khác. Song cây đó phải được trồng ở khu vực trường hoặc nơi em ở để em có thể quan sát được nó. - GV hướng dẫn HS nhận xét theo các tiêu chuẩn sau: + Ghi chép có bắt nguồn từ thực tế quan sát không? + Trình tự quan sát có hợp lí không? + Những giác quan nào bạn đã sử dụng khi quan sát? + Cái cây bạn quan sát có gì khác so với các cây cùng loài? - GV nhận xét chung về kĩ năng quan sát cây cối của HS.</p>	18	<p>+Giống nhau: Đều phải quan sát kĩ và sử dụng mọi giác quan: tả các bộ phận của cây, tả khung cảnh xung quanh cây, dùng các biện pháp so sánh, nhân hoá để khắc hoạ sinh động, chính xác các đặc điểm của cây, bộc lộ tình cảm của người miêu tả</p> <p>+Khác nhau:</p> <p>- Tả cả loài cây cần chú ý đến các đặc điểm phân biệt loài cây này với loài cây khác. - Tả một cây cụ thể phải chú ý đến đặc điểm riêng của cây đó – đặc điểm làm nó khác biệt với các cây cùng loài</p> <p>*HS đọc yêu cầu của bài. - HS nêu nhanh 1 số cây đã quan sát</p> <p>- HS quan sát - HS dựa vào những gì đã quan sát được, ghi lại kết quả quan sát vào nháp.</p> <p>HS trình bày kết quả quan sát. Cả lớp nhận xét.</p>
<p>4. Củng cố : -HS nhắc lại dàn bài văn miêu tả cây cối - Nhận xét giờ học</p>	3	<p>-HS nêu</p>
<p>5. Dặn dò: - Chuẩn bị bài: Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây (Nhắc HS chú ý quan sát các bộ phận của cây: lá, thân, gốc để viết được một đoạn văn miêu tả đồ vật)</p>	1	<p>-Học sinh thực hiện</p>

TOÁN (TIẾT 109)
SO SÁNH HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết so sánh hai phân số khác mẫu số.

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng về so sánh hai phân số cùng mẫu số.

3. Thái độ:

- HS biết áp dụng vào làm bài tập, rèn tính cẩn thận khi làm bài..

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : SGK, Hai băng giấy theo hình vẽ SGK

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức : - Cho học sinh hát	1	Hát
2. Kiểm tra bài cũ : Luyện tập - GV yêu cầu HS sửa bài tập 2 GV nhận xét	4	1 HS lên bảng làm
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay các em học bài :So sánh hai phân số khác mẫu số.	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2 ::HDHS so sánh hai phân số khác mẫu số. - GV dán lên bảng hai băng giấy. - GV nêu vấn đề: + Băng giấy thứ nhất được chia thành mấy phần, tô màu mấy phần? + Băng giấy thứ hai được chia thành mấy phần, tô màu mấy phần? - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 để tìm cách so sánh hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ - GV chốt lại & hướng dẫn HS so sánh hai phân số khác mẫu số theo cách thứ hai. - Yêu cầu HS nhắc lại vài lần để ghi nhớ cách làm. 3.3 Thực hành <u>Bài tập 1:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1 - GV hướng dẫn mẫu và yêu cầu HS	10	- HS quan sát - HS trả lời + chia thành 3 phần, tô màu 2 phần, tức là $\frac{2}{3}$ băng giấy + chia thành 4 phần, tô màu 3 phần, tức là $\frac{3}{4}$ băng giấy - HS hoạt động nhóm 4 - Đại diện nhóm nêu kết quả thảo luận + Cách 1: So sánh hai $\frac{2}{3}$ băng giấy thứ nhất với $\frac{3}{4}$ của băng giấy thứ hai, nhận thấy $\frac{2}{3} < \frac{3}{4}$ + Cách 2: Quy đồng mẫu số hai phân số để so sánh hai phân số cùng mẫu số. HS nhắc lại nhiều lần HS làm bài <u>Bài tập 1:</u>
	20	